

Bản án số: 263/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thiên Hùng Ông Lý Đình

Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2024/QĐXX-ST ngày 16/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh ngày 19/3/1987 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị L, sinh ngày 24/4/1988 (vắng mặt)

Nơi thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Chị L hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Đặng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị L được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh, vợ chồng chung sống hòa

thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2013 anh và chị L đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận nhưng đến cuối năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12/2019 đến nay anh và chị L không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh về nước sinh sống, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Dương Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Đặng Dương T1, sinh ngày 25/9/2011. Cháu T1 hiện đang sinh sống cùng anh. Sau khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Dương Thị L là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 05/7/2024 và 16/7/2024, bà Dương Thị L1 là mẹ chị Dương Thị L cho biết.

Về hôn nhân của chị L, anh T bà cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh T làm dâu ngay và chung sống hòa thuận. Năm 2013 chị L, anh T cùng đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan anh, chị vẫn hòa thuận nhưng thời gian gần đây chị L nói anh, chị có mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Ông, bà có khuyên bảo anh, chị về ở với nhau để chăm sóc con cái nhưng không được.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung cháu Đặng Dương T1, sinh ngày 25/9/2011. Cháu T1 hiện đang sinh sống cùng anh T.

Ngoài ra bà cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan chị L sinh sống cùng gia đình chồng tại Bắc Giang. Khi chị L về thăm gia đình cũng sinh sống tại Bắc Giang sau đó lại đi nước ngoài lao động đến nay chưa về thăm gia đình lần nào.

Cháu Đặng Dương T1 trình bày: Cháu hiện đang sinh sống cùng bố tại thôn T, xã Đ, huyện L tỉnh Bắc Giang. Cháu được bố chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần, được cho đi học đầy đủ. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng bố.

Tại phiên tòa, anh Đặng Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Dương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Đặng Văn T; Biên bản làm việc với bà Dương Thị L1 là mẹ của chị Dương Thị L; biên bản lấy lời khai cháu Đặng Dương T1 và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn T; xử:

Về hôn nhân: anh Đặng Văn T được ly hôn chị Dương Thị L.

Về con chung: Giao cháu Đặng Dương T1 cho anh Đặng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị L và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 14322/QLXNC-P3 ngày 04/7/2024 của Cục Q - Bộ C cung cấp, chị L xuất cảnh gần nhất ngày 19/3/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, chị L được xác định là đang ở nước ngoài. Ngoài ra, chị L là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bà Dương Thị L1 (mẹ chị L) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của chị L ở Việt Nam là: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị L thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho chị L biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa anh Đặng Văn T và chị Dương Thị L. Gia đình chị L cho biết chị L vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị L không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị L tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Anh Đặng Văn T và chị Dương Thị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Dương Thị L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T với chị L, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh T, chị L chung sống hòa thuận sau đó cùng sang nước ngoài lao động. Sang nước ngoài lao động vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Kể từ đó ai có cuộc sống riêng của người đó, không còn quan tâm đến nhau. Ngoài ra, Tòa án cũng xác minh tình trạng hôn nhân của anh T, chị L thông qua gia đình chị L thì được bà L1 là mẹ chị L cho biết anh T, chị L có mâu thuẫn từ lâu, hiện nay không còn liên lạc với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh T, chị L không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị L là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là cháu Đặng Dương T1, sinh ngày 25/9/2011. Hiện nay cháu T1 đang sinh sống cùng anh T. Sau ly hôn anh T đề nghị giao cháu T1 cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của anh T, Hội đồng xét xử thấy: Chị L hiện đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Từ khi anh T về nước sinh sống đến nay, cháu T1 do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, cháu T1 trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nhỏ cần giao cháu T1 cho anh T tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Dương Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp chị Dương Thị L có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ: Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Anh Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Dương Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn T.

1. Về hôn nhân: Anh Đặng Văn T được ly hôn chị Dương Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Dương T1, sinh ngày 25/9/2011 cho anh Đặng Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Sau khi ly hôn, chị Dương Thị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001314 ngày 19/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Đặng Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Dương Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Nâu